

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ II NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2025**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 33 ngày 27 tháng 5 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
Lê Thị Hoa	Thành viên
	(bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc
	(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
	(miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 3 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 07 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		811.957.167.351	674.524.693.229
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	74.358.961.280	38.416.885.363
111	Tiền		73.358.961.280	38.337.088.258
112	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	79.797.105
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		230.000.000	230.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		703.501.416.283	634.528.068.391
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	113.665.237.495	105.247.391.505
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		223.514.529.771	222.600.021.803
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7(a)	212.805.460.018	189.028.460.018
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	155.570.011.074	141.057.384.838
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(2.053.822.075)	(23.405.189.773)
140	Hàng tồn kho		33.252.442.101	501.439.034
141	Hàng tồn kho		33.252.442.101	501.439.034
150	Tài sản ngắn hạn khác		614.347.687	848.300.441
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	614.347.687	848.300.441

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.795.541.931.815	1.767.988.537.046
210	Các khoản phải thu dài hạn		664.251.434.800	336.730.634.800
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		24.000.000.000	24.000.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7(b)	49.135.000.000	9.615.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	591.116.434.800	303.115.634.800
220	Tài sản cố định		156.038.800.022	138.753.744.671
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	263.677.447	276.194.779
222	Nguyên giá		964.548.862	903.492.862
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(700.871.415)	(627.298.083)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	155.775.122.575	138.477.549.892
228	Nguyên giá		208.448.221.548	171.206.041.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.673.098.973)	(32.728.491.842)
240	Tài sản dở dang dài hạn		56.549.000.000	10.523.422.222
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	56.549.000.000	10.523.422.222
250	Đầu tư tài chính dài hạn		898.094.810.316	1.259.233.352.576
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	919.719.400.000	1.294.283.212.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	2.000.000.000	2.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(41.340.214.684)	(54.765.484.657)
260	Tài sản dài hạn khác		20.607.886.677	22.747.382.777
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	18.908.015.323	21.047.511.423
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		1.699.871.354	1.699.871.354
270	TỔNG TÀI SẢN		2.607.499.099.166	2.442.513.230.275

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		476.738.167.625	735.828.750.314
310	Nợ ngắn hạn		453.760.049.546	705.564.960.707
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	161.986.400.664	136.090.440.676
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	37.785.764.000	7.431.868.273
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.655.122.513	7.449.487.609
314	Phải trả người lao động		3.895.325.261	3.894.502.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	9.880.374.279	16.159.534.249
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		9.677.400.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	100.738.473.968	181.810.405.402
320	Vay ngắn hạn	18	124.141.188.861	352.728.722.237
330	Nợ dài hạn		22.978.118.079	30.263.789.607
338	Vay dài hạn	18	22.978.118.079	30.263.789.607
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.130.760.931.541	1.706.684.479.961
410	Vốn chủ sở hữu		2.130.760.931.541	1.706.684.479.961
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	75.418.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	212.665.163.287	336.529.421.707
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		336.529.421.707	313.310.291.758
421b	- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này		(123.864.258.420)	23.219.129.949
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.607.499.099.166	2.442.513.230.275


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Quyền Kế toán trưởng


 Ngô Thị Văn Hạnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 07 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	237.278.912.645	64.811.565.651	360.615.112.121	105.433.919.116
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.007.405.485)	-	(8.007.405.485)	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.271.507.160	64.811.565.651	352.607.706.636	105.433.919.116
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(232.494.436.300)	(55.718.929.499)	(321.497.954.588)	(79.046.244.542)
20	(Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(3.222.929.140)	9.092.636.152	31.109.752.048	26.387.674.574
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.645.061.865	7.211.846.851	6.854.992.696	13.872.592.832
22	Chi phí tài chính	16.154.468.770	(4.447.250.277)	(135.827.087.016)	(7.521.209.279)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(3.647.346.954)	(4.447.250.277)	(11.060.198.367)	(7.521.209.279)
25	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.997.546.959	(9.211.429.981)	(25.855.466.148)	(30.302.718.175)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	21.574.148.454	2.645.802.745	(123.717.808.420)	2.436.339.952
31	Thu nhập khác	3.928.295	(470.348.889)	3.946.962	280.407
32	Chi phí khác	(4.234.469)	(914.315.071)	(150.396.962)	(924.109.820)
40	Lỗ khác	(306.174)	(1.384.663.960)	(146.450.000)	(923.829.413)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	21.573.842.280	1.261.138.785	(123.864.258.420)	1.512.510.539
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	21.573.842.280	1.261.138.785	(123.864.258.420)	1.512.510.539


Lưu Anh Khoa
Người lập


Đặng Phương Dung
Quyền Kế toán trưởng

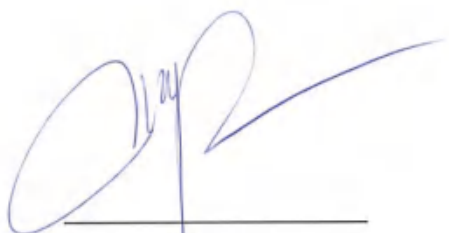


Ngô Thị Văn Hạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 07 năm 2025

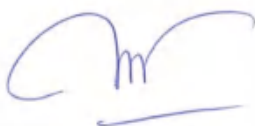
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 46 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(123.864.258.420)	1.512.510.539
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	20.018.180.463	41.426.040
03	Các khoản dự phòng	34.776.637.671	-
05	Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	131.323.686.928	(6.660.745.981)
06	Chi phí lãi vay	11.060.198.367	3.073.959.002
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	73.314.445.009	(2.032.850.400)
09	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	141.461.685.463	(73.108.801.404)
10	Tăng hàng tồn kho	(32.751.003.067)	(6.427.281.081)
11	(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	(24.744.446.684)	48.470.413.080
12	Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	2.373.448.854	(882.282.242)
14	Tiền lãi vay đã trả	(5.220.593.180)	(1.108.796.759)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.377.636.288)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	150.055.900.107	(35.089.598.806)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(37.303.235.814)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(233.225.791.421)	(55.225.836.689)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	52.499.000.000	39.472.526.489
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác	(213.013.600.000)	(4.092.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.000.000.000	6.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	797.197.949	763.561.731
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(426.246.429.286)	(13.081.748.469)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	548.005.810.000	-
33	Tiền thu từ vay	108.257.456.873	57.386.580.863
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(344.130.661.777)	(11.913.808.874)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	312.132.605.096	45.472.771.989
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	35.942.075.917	(2.698.575.286)
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	38.416.885.363	6.392.544.437
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	74.358.961.280	3.693.969.151



Lưu Anh Khoa
Người lập



Đặng Phương Dung
Quyền Kế toán trưởng



Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 07 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 27 tháng 5 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 63 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 12 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 11 công ty con trực tiếp và 11 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận/lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 9); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.358.961.280	38.337.088.258
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	79.797.105
TỔNG CỘNG	74.358.961.280	38.416.885.363

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Quyền sở hữu và biểu quyết	30.06.2025			Quyền sở hữu và biểu quyết	31.12.2024		
					Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
					VND	VND	VND		VND	VND	VND
	Công ty con trực tiếp			%				%			
1	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	350.000.000.000	(*)	-	100,00	139.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	255.844.800.000	(*)	-	69,55	255.844.800.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00	203.319.000.000	(*)	-	69,00	203.319.000.000	(*)	-
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00	80.000.000.000	(*)	17.343.009.757	99,89	79.910.000.000	(*)	28.954.919.935
5	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	25.000.000.000	(*)	13.489.430.882	92,00	23.000.000.000	(*)	15.286.052.381
6	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	2.000.000.000	(*)	-
7	Công ty TNHH 1Label	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	99,80	3.033.600.000	(*)	-	51,00	1.020.000.000	(*)	-
8	Công Ty TNHH Giải trí Và Truyền thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	500.000.000	(*)	-	-	-		
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-			100,00	2.000.000.000	(*)	179.891.566
12	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	-	-			99,99	588.167.412.233	(*)	

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.06.2025		31.12.2024	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH 1Talents	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	100,00	-	-
2	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
3	Công ty TNHH Ting Ting Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
5	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
6	Công ty Cổ phần TStudio	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	41,69	59,95	41,69	59,95
7	Công ty TNHH Việt Nam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
8	Netlink Online Pte. Ltd.	Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	35,18	100,00
9	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	50,99	35,18	50,99
10	Web Publishing Corp	British Virgin Island	Quảng cáo	17,63	50,10	-	-

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

STT	Tên công ty	Tại ngày 30.06.2025					Tại ngày 31.12.2024				
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-
TỔNG CỘNG				2.000.000.000			2.000.000.000				

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30.06.2025					31.12.2024				
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
2	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Cổng thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000
4	Công ty Cổ phần 1Game	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	892.149.045	18,00	18,00	8.100.000.000	(*)	728.995.775
TỔNG CỘNG					17.715.625.000		10.507.774.045			17.715.625.000		10.344.620.775

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	88.240.537.301	84.993.047.305
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	17.135.800.000	23.835.800.000
Công ty Cổ phần King Production	14.547.116.438	9.549.100.000
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	6.770.205.688	6.770.205.688
Công ty Cổ phần Truyền thông On+	-	10.982.000.000
Khác	49.787.415.175	33.855.941.617
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	25.424.700.194	20.254.344.200
TỔNG CỘNG	113.665.237.495	105.247.391.505
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(1.649.158.634)	(1.798.983.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	112.016.078.861	103.448.408.142

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	215.347.512.871	217.663.828.234
Công ty Cổ phần Tera Group	160.114.476.520	209.318.476.520
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện HAND	41.685.000.000	-
Công ty Cổ phần King Production	11.400.936.879	7.644.456.896
Khác	2.147.099.472	700.894.818
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	8.167.016.900	4.936.193.569
TỔNG CỘNG	223.514.529.771	222.600.021.803

7 PHẢI THU VÉ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	168.868.460.018	166.873.460.018
Công ty Cổ phần Vital Investment Group	114.106.821.919	114.106.821.919
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	45.220.500.000	45.220.500.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	6.316.138.099	6.316.138.099
Công ty Cổ phần King Production	1.910.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	-	930.000.000
Các tổ chức khác	1.315.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	43.937.000.000	22.155.000.000
TỔNG CỘNG	212.805.460.018	189.028.460.018
Dự phòng phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 9)	-	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	212.805.460.018	188.728.460.018

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	9.090.000.000	9.090.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	9.090.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	40.045.000.000	525.000.000
TỔNG CỘNG	49.135.000.000	9.615.000.000

8 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	26.163.157.895	45.763.157.895
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	72.000.200.000	-
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	43.422.420.584	71.533.733.685
Phải thu lãi cho vay	12.164.622.189	6.118.412.043
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	482.922.450	1.228.922.450
Tạm ứng cho nhân viên	1.200.097.190	2.100.207.967
Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
Khác	136.590.766	312.950.798

TỔNG CỘNG	155.570.011.074	141.057.384.838
------------------	------------------------	------------------------

Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(404.663.441)	(21.306.206.410)
---	---------------	------------------

GIÁ TRỊ THUẦN	155.165.347.633	119.751.178.428
----------------------	------------------------	------------------------

Trong đó:		
Bên thứ ba	115.095.900.939	66.812.569.112
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	40.474.110.135	74.244.815.726

(b) Dài hạn

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	288.000.800.000	-
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất	203.240.634.800	196.000.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	99.875.000.000	99.875.000.000
Khác	-	7.240.634.800
TỔNG CỘNG	591.116.434.800	303.115.634.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

9 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.06.2025			31.12.2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.013.977.131	1.364.818.497	(1.649.158.634)	3.163.801.860	1.364.818.497	(1.798.983.363)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	-	-	149.824.729	-	(149.824.729)
Trả trước cho người bán và phải thu ngắn hạn khác	1.251.456.645	846.793.204	(404.663.441)	25.322.553.232	4.016.346.822	(21.306.206.410)
Công ty TNHH Century Car and Service	84.000.000	42.000.000	(42.000.000)	84.000.000	-	(42.000.000)
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển UP	-	-	-	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Khác	1.167.456.645	804.793.204	(362.663.441)	4.638.553.232	3.674.346.822	(964.206.410)
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Wín	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
TỔNG CỘNG	4.265.433.776	2.211.611.701	(2.053.822.075)	28.486.355.092	5.381.165.319	(23.405.189.773)

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	606.387.987	496.946.417
Công cụ, dụng cụ	7.959.700	348.806.607
Khác	-	2.547.417
TỔNG CỘNG	614.347.687	848.300.441

(b) Dài hạn

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	16.784.908.888	17.712.654.760
Công cụ, dụng cụ	1.484.091.927	1.625.361.958
Chi phí dịch vụ trả trước	-	23.873.753
Khác	639.014.508	1.685.620.952
TỔNG CỘNG	18.908.015.323	21.047.511.423

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) TSCĐ hữu hình**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	903.492.862	903.492.862
Mua trong năm	61.056.000	61.056.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	964.548.862	964.548.862
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(627.298.083)	(627.298.083)
Khấu hao trong năm	(73.573.332)	(73.573.332)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	(700.871.415)	(700.871.415)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	276.194.779	276.194.779
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	263.677.447	263.677.447



11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) TSCĐ vô hình**

	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền nội dung VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	2.524.382.154	160.000.000	168.521.659.580	171.206.041.734
Mua trong năm	-	-	37.242.179.814	37.242.179.814
	<u>2.524.382.154</u>	<u>160.000.000</u>	<u>205.763.839.394</u>	<u>208.448.221.548</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	2.524.382.154	160.000.000	205.763.839.394	208.448.221.548
	<u>2.524.382.154</u>	<u>160.000.000</u>	<u>205.763.839.394</u>	<u>208.448.221.548</u>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(827.465.028)	(45.333.339)	(31.855.693.475)	(32.728.491.842)
Khấu hao trong năm	(28.288.434)	(16.000.002)	(19.900.318.695)	(19.944.607.131)
	<u>(855.753.462)</u>	<u>(61.333.341)</u>	<u>(51.756.012.170)</u>	<u>(52.673.098.973)</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	(855.753.462)	(61.333.341)	(51.756.012.170)	(52.673.098.973)
	<u>(855.753.462)</u>	<u>(61.333.341)</u>	<u>(51.756.012.170)</u>	<u>(52.673.098.973)</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.696.917.126	114.666.661	136.665.966.105	138.477.549.892
	<u>1.696.917.126</u>	<u>114.666.661</u>	<u>136.665.966.105</u>	<u>138.477.549.892</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.668.628.692	98.666.659	154.007.827.224	155.775.122.575
	<u>1.668.628.692</u>	<u>98.666.659</u>	<u>154.007.827.224</u>	<u>155.775.122.575</u>

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	-	5.523.422.222
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	56.549.000.000	5.000.000.000
	<u>56.549.000.000</u>	<u>10.523.422.222</u>
TỔNG CỘNG	<u>56.549.000.000</u>	<u>10.523.422.222</u>

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.06.2025	31.12.2024
	VND	VND
Bên thứ ba	18.400.428.826	21.835.170.160
Công ty TNHH STVProduction	6.580.700.467	18.023.400.002
Công Ty Cổ Phần Phim Thiên Ngân	4.922.394.500	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Bất Động Sản Sài Gòn 3	1.828.629.000	-
Khác	5.068.704.859	3.811.770.158
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	143.585.971.838	114.255.270.516
TỔNG CỘNG	161.986.400.664	136.090.440.676

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.06.2025	31.12.2024
	VND	VND
Bên thứ ba	27.785.764.000	5.021.658.180
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	24.852.744.000	5.021.658.180
Công ty Cổ phần Tera Group	2.737.020.000	-
Khác	196.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	10.000.000.000	2.410.210.093
TỔNG CỘNG	37.785.764.000	7.431.868.273

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30.06.2025 VND
(a) Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	30.903.223.918	(30.903.223.918)	-
	-			-
TỔNG CỘNG	-	30.903.223.918	(30.903.223.918)	-
	=	=	=	=
(b) Phải nộp				
Thuế TNDN	4.377.636.288	-	(4.377.636.288)	-
Thuế GTGT	1.428.946.752	32.928.937.047	(33.666.684.956)	691.198.843
Thuế thu nhập cá nhân	1.064.919.817	9.656.266.288	(6.922.890.369)	3.798.295.736
Thuế khác	577.984.752	1.006.527.146	(418.883.964)	1.165.627.934
TỔNG CỘNG	7.449.487.609	43.591.730.481	(45.386.095.577)	5.655.122.513
	=	=	=	=

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí sản xuất chương trình	9.821.219.008	6.587.535.544
Chi phí lãi vay	59.155.271	-
Chi phí dịch vụ tư vấn và bản quyền	-	6.750.000.000
Chi phí kiểm toán	-	462.000.000
Lương tháng 13	-	2.356.713.500
Khác	-	3.285.205
TỔNG CỘNG	9.880.374.279	16.159.534.249
Trong đó:		
Bên thứ ba	3.851.787.874	16.156.249.044
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	6.028.586.405	3.285.205

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	37.040.704.139	31.500.000.000
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình	53.123.082.301	43.796.097.986
Lãi vay	4.589.170.311	11.156.245.804
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp	717.162.378	854.042.816
Nhận ký quỹ, ký cược	300.000.000	-
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp	-	89.800.020.000
Khác	4.968.354.839	4.703.998.796
TỔNG CỘNG	100.738.473.968	181.810.405.402
Trong đó:		
Bên thứ ba	44.133.440.581	137.072.172.756
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	56.539.933.387	44.738.232.646

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.06.2025 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
Vay ngân hàng	92.309.572.237	87.227.456.873	(78.187.840.249)	101.349.188.861		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	92.309.572.237	87.227.456.873	(78.187.840.249)	101.349.188.861	7,2%	Ngày 16/01/2026
Vay bên thứ ba	238.444.150.000	4.700.000.000	(242.969.150.000)	175.000.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	735.000.000	-	(600.000.000)	135.000.000	10,5%	Ngày 20/12/2025
Công ty Cổ phần Ban Media	40.000.000	-	-	40.000.000	10,5%	Ngày 14/10/2025
Bà Nguyễn Thị Khánh Hòa	10.189.000.000	1.000.000.000	(11.189.000.000)	-		
Công ty Cổ phần King Production	-	3.700.000.000	(3.700.000.000)	-		
Bà Vũ Thị Tuyết Vân	117.147.080.000	-	(117.147.080.000)	-		
Ông Võ Xuân Huy	55.590.000.000	-	(55.590.000.000)	-		
Bà Nguyễn Hải Tường Vi	54.743.070.000	-	(54.743.070.000)	-		
Vay bên liên quan	21.975.000.000	19.030.000.000	(18.388.000.000)	22.617.000.000		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	18.285.000.000	3.550.000.000	(9.258.000.000)	12.577.000.000	10,5%	Từ ngày 07/08/2025 đến ngày 05/03/2026
Công Ty TNHH Big Cat	-	6.700.000.000	-	6.700.000.000	10,5%	Ngày 28/04/2026
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	-	(1.000.000.000)	1.040.000.000	10,5%	Từ ngày 29/03/2026 đến ngày 17/05/2026
Công ty TNHH 1Brandlink	-	3.000.000.000	(2.000.000.000)	1.000.000.000	10,5%	Ngày 17/07/2026
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.350.000.000	-	(1.350.000.000)	-		
Công Ty Cổ Phần Yeah1 Edigital	-	4.780.000.000	(4.780.000.000)	-		
TỔNG CỘNG	352.728.722.237	110.957.456.873	(339.544.990.249)	124.141.188.861		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.06.2025 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
Vay ngân hàng	30.263.789.607	-	(20.835.671.528)	9.428.118.079		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	30.263.789.607		(20.835.671.528)	9.428.118.079	12,5%	Ngày 15/08/2028
Vay bên liên quan	-	13.550.000.000	-	13.550.000.000		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam		12.050.000.000		12.050.000.000	10,5%	Từ ngày 16/08/2026 đến ngày 19/08/2026
Công ty Cổ phần 1Label	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	10,5%	Từ ngày 13/12/2026 đến 13/12/2026
TỔNG CỘNG	30.263.789.607	13.550.000.000	(20.835.671.528)	22.978.118.079		



19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	30.06.2025	31.12.2024
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	191.802.035	137.001.454
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	191.802.035	137.001.454
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	191.802.035	137.001.454

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.06.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Pyn ELite Fund (Non-Ucits)	12.249.380	6,39	6.019.400	4,39
Bà Lê Phương Thảo	11.049.847	5,76	7.892.748	5,76
Cổ đông khác	168.502.808	87,85	123.089.306	89,85
TỔNG CỘNG	191.802.035	100,00	137.001.454	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	131.353.264	131.353.264
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	5.648.190	5.648.190
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	137.001.454	137.001.454
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	54.800.581	54.800.581
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	191.802.035	191.802.035

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Phát hành cổ phiếu cho người lao động	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.219.129.948	23.219.129.948
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.619.379.961
Lỗi trong năm	-	-	(123.864.258.420)	(123.864.258.420)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.918.020.350.000	75.418.254	212.665.163.287	2.130.760.931.541

(*) Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 13 tháng 03 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND

21 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Doanh thu quảng cáo và truyền thông	305.591.348.997	54.635.310.697
Doanh thu cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	18.920.737.032	28.565.017.510
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.232.194.202	22.233.590.909
Doanh thu bán hàng hóa	5.863.426.405	-
TỔNG CỘNG	352.607.706.636	105.433.919.116

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Giá vốn quảng cáo và truyền thông	283.832.383.223	54.589.485.082
Giá vốn cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	21.126.063.100	8.170.311.779
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.052.930.147	16.286.447.681
Giá vốn bán hàng hóa	3.486.578.118	-
TỔNG CỘNG	321.497.954.588	79.046.244.542

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.843.725.305	13.771.597.950
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.267.391	-
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	100.872.062
Khác	-	122.820
TỔNG CỘNG	6.854.992.696	13.872.592.832

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Lỗ từ việc thoái vốn công ty con	138.167.412.233	-
Chi phí lãi vay	11.060.198.367	7.521.209.279
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.646.389	-
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư công ty con	(13.425.269.973)	-
Chi phí tài chính khác	1.100.000	-
TỔNG CỘNG	135.827.087.016	7.521.209.279

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Chi phí nhân viên	17.634.570.892	15.329.180.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.806.876.925	8.016.421.130
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.411.018.331	96.073.059
Khác	3.000.000	6.861.043.918
Dự phòng và xóa sổ phải thu khó đòi		-
TỔNG CỘNG	25.855.466.148	30.302.718.175

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Thu nhập khác		
Khác	3.946.962	280.407
	<u>3.946.962</u>	<u>280.407</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	150.396.962	924.109.820
	<u>150.396.962</u>	<u>924.109.820</u>
Lợi nhuận khác	(146.450.000)	(923.829.413)

27 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(123.864.258.420)	1.512.510.539
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	(24.772.851.684)	302.502.108
Điều chỉnh:		
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	23.790.858.930	-
Chi phí không được khấu trừ	981.992.754	1.244.512.748
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(1.547.014.856)
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ 6 tháng được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.697.669.381	74.924.857.448
Chi phí nhân viên	17.634.570.892	22.475.805.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.018.180.463	10.557.236.864
Khác	3.000.000	6.861.043.918
TỔNG CỘNG	347.353.420.736	114.818.943.250

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp (đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con trực tiếp (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp (đến ngày 21 tháng 5 năm 2025)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 22 tháng 05 năm 2025)
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con trực tiếp (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp (từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH BigCat	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TìngTìng Network	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
	Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công Ty TNHH Giải trí Và Truyền thông Mango+	Công ty con trực tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam
 Công ty Cổ phần 1Game
 Công ty Cổ phần Tera Group

Bà Lê Phương Thảo
 Ông Đào Phúc Trí

Ông Nguyễn Hoàng Giang
 Ông Đinh Hoài Nam
 Ông Kim Min Soo

Bà Ngô Thị Vân Hạnh

Ông Chế Đoàn Viên

Ông Yam Kong Fatt
 Ông Phạm Minh Tiến

Bà Nguyễn Thị Khánh Trang

Ông Nguyễn Văn Nam
 Bà Lê Thị Bích Hằng

Ông Vương Hồ Trí Dũng
 Bà Lê Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Hoàng Linh
 Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS

Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh

Công ty Cổ phần Finbase

Công ty liên kết
 Đầu tư khác
 Đầu tư khác của công ty con
 (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
 Phó chủ tịch HĐQT
 (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
 Phó chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Phó Tổng Giám đốc
 (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
 Thành viên HĐQT
 Tổng giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 (miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng giám đốc
 (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
 Quyền Giám đốc tài chính
 (từ ngày 9 tháng 6 năm 2025)
 Kế toán trưởng
 (đến ngày 8 tháng 6 năm 2025)
 Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
 Thành viên BKS
 (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
 Thành viên BKS
 Thành viên BKS
 (từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)
 Người liên quan của người nội bộ
 (đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)
 Người liên quan của người nội bộ
 Công ty mà người nội bộ
 là thành viên HĐQT
 Công ty mà người có liên quan của người
 nội bộ là Giám đốc
 (đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)
 Công ty mà người có liên quan của người
 nội bộ là Giám đốc

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	29.012.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	8.932.591.037	1.725.000.000
	Vay	4.780.000.000	15.080.000.000
	Lãi cho vay	408.530.102	-
	Lãi vay	19.250.959	643.369.930
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	34.519.709.573
	Mua dịch vụ	-	3.500.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	6.069.000.000	-
	Lãi cho vay	412.265.959	-
	Lãi vay	-	62.455.166
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	5.423.000.000	3.565.000.000
	Lãi cho vay	783.250.088	350.562.943
	Nhờ thu hộ	224.008.156	-
	Cung cấp dịch vụ	-	1.765.000.000
	Mua dịch vụ	-	28.909.091
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Lãi vay	-	2.214.195.736
	Cung cấp dịch vụ	-	9.090.909
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	-	19.152.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp	-	10.000.000.000
	Cung cấp bản	-	2.310.326.514
	Lãi cho vay	-	1.002.878.961
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Lãi vay	19.029.452	-
	Lãi cho vay	-	112.001.918
	Cho vay	-	40.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Nhờ thu hộ	16.309.611.546	8.100.000.000
	Vay	15.600.000.000	4.370.000.000
	Mua dịch vụ	13.421.919.373	-
	Cung cấp dịch vụ	1.957.796.296	924.000.000
	Lãi vay	1.470.082.560	61.860.822
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Cung cấp dịch vụ	3.161.500.024	1.300.000.000
	Cho vay	2.920.000.000	-
	Mua dịch vụ	1.370.119.010	-
	Lãi cho vay	95.098.353	-
	Lãi vay	-	11.065.902

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025	30.06.2024
		VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	-	48.691.236
Công ty TNHH Tera Group	Cho vay	-	29.160.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	5.685.857.143
	Lãi cho vay	-	1.714.508.353
	Cung cấp dịch vụ	-	225.000.000
Công ty TNHH 1Talents	Mua dịch vụ	5.169.686.786	-
	Cung cấp dịch vụ	220.500.000	144.000.000
	Nhờ thu hộ	80.000.000	-
	Chi hộ	-	2.200.000.000
	Góp vốn	-	1.880.000.000
	Vay	-	1.700.000.000
	Lãi vay	-	7.853.423
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	344.345.056
Công ty TNHH 1Production	Mua dịch vụ	223.405.174.442	-
	Góp vốn	211.000.000.000	-
	Cho vay	66.572.000.000	1.520.000.000
	Nhờ thu hộ	15.721.287.427	5.629.586.583
	Chi hộ	15.205.912.012	25.250.470.387
	Cung cấp dịch vụ	2.765.700.000	513.000.000
	Lãi cho vay	800.030.097	26.421.165
	Vay	-	470.000.000
	Lãi vay	-	2.163.288
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	-	749.494.386
Công ty Cổ phần 1Game	Cung cấp dịch vụ	163.800.000	102.000.000
	Cho vay	23.000.000	1.525.000.000
	Lãi cho vay	-	114.704.099
Công ty TNHH 1Label	Cung cấp dịch vụ	8.920.978.195	246.000.000
	Vay	1.500.000.000	-
	Mua dịch vụ	1.171.581.910	-
	Lãi vay	53.075.341	-
	Góp vốn	-	1.020.000.000
	Đặt cọc	-	300.000.000
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	15.620.550	25.804.111
	Vay	-	400.000.000



29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Công ty TNHH BigCat	Cung cấp dịch vụ	7.823.270.583	4.026.000.000
	Vay	6.700.000.000	-
	Lãi vay	123.353.425	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.112.502.248
	Mua bản quyền	-	987.600.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi vay	76.301.917	43.012.602
	Vay	-	2.100.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	100.800.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	-	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	-	570.000.000
	Lãi cho vay	-	214.940.847
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	-	1.905.000.000
	Lãi cho vay	-	137.504.773
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	3.311.728.704	-
	Vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	51.493.151	-
Công ty TNHH 1Brandlink	Nhờ thu hộ	3.888.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.600.514.818	-
	Vay	3.000.000.000	-
	Lãi vay	29.917.808	-
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	Cho vay	1.180.000.000	-
	Lãi cho vay	23.252.467	-
Bà Lê Phương Thảo	Thu hồi tạm ứng	745.374.951	-
	Tạm ứng	401.404.994	236.111.639
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thu hồi tạm ứng	265.844.194	-
	Tạm ứng	246.946.536	208.046.838
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	-	1.600.000.000
	Lãi vay	-	9.468.493
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	-	5.327.908.126

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt**

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2025 VND	30.06.2024 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		-	-

Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	1.722.000.000	750.000.000
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	471.131.000	354.435.900
Nguyễn Thị Khánh Trang	Quyền Giám đốc tài chính Kế Toán trưởng (đã miễn nhiệm)	552.966.000	272.643.000
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	-
TỔNG CỘNG		2.746.097.000	1.377.078.900

Thù lao Ban Kiểm Soát

Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	6.000.000	-
Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	6.000.000	-
Lê Thị Hoa	Thành viên	6.000.000	-
TỔNG CỘNG		18.000.000	-

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	6.940.377.444	7.577.156.627
Công ty TNHH 1Production	4.890.270.000	2.224.200.000
Công ty TNHH 1Brandlink	3.856.770.000	-
Công ty Cổ phần 1Label	2.840.858.378	306.508.486
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.056.936.575	1.029.286.575
Công ty TNHH Big Cat	1.524.349.547	820.798.565
Công ty TNHH Yeah1 Up	1.195.372.800	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	870.000.000	3.675.000.000
Công ty TNHH 1Talents	713.350.000	470.800.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	356.180.000	245.300.000
Công ty Cổ phần 1Game	180.180.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	55.450	1.354.055.450
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	-	523.907.130
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	1.647.731.367
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	379.600.000
TỔNG CỘNG	25.424.700.194	20.254.344.200
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty TNHH BigCat	8.167.016.900	1.311.210.702
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	3.624.982.867
	8.167.016.900	4.936.193.569
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	23.832.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	15.544.000.000	14.950.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.021.000.000	5.205.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.370.000.000	2.000.000.000
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	1.170.000.000	-
TỔNG CỘNG	43.937.000.000	22.155.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty TNHH 1Production	33.966.000.000	525.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	6.069.000.000	-
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	10.000.000	-
TỔNG CỘNG	40.045.000.000	525.000.000

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.06.2025	31.12.2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH 1Production	33.320.542.663	38.647.772.581
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.126.945.309	20.991.338.967
Công ty TNHH Yeah1 Up	984.068.416	104.088.899
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	449.948.013	37.682.054
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	408.745.855	215.753
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	106.605.202	11.506.849
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	77.254.677	96.152.335
Công Ty Cổ Phần Siêu sao Yeah1	-	-
Bà Lê Phương Thảo	-	343.969.957
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	-	12.088.331
Ông Chế Đoàn Viên	-	6.522.276
TỔNG CỘNG	40.474.110.135	74.244.815.726

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13)

Công ty TNHH 1Production	124.685.312.397	94.912.380.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	10.721.405.279	14.441.405.279
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.795.390.908	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.113.176.774	-
Công ty Cổ phần 1Label	1.184.286.480	217.779.797
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	86.400.000	86.400.000
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	-	3.463.232.581
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	441.672.859
Công ty TNHH 1Talents	-	692.400.000
TỔNG CỘNG	143.585.971.838	114.255.270.516

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 14)

Công ty TNHH 1Production	10.000.000.000	2.410.210.093
TỔNG CỘNG	10.000.000.000	2.410.210.093

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.06.2025	31.12.2024
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty TNHH 1Production	5.444.559.008	-
Công ty TNHH 1Talents	580.000.000	-
Công ty TNHH 1Brandlink	4.027.397	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	747.945
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	2.537.260
TỔNG CỘNG	6.028.586.405	3.285.205

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)

Công ty TNHH 1Production	50.517.917.508	43.406.437.274
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.829.693.921	752.283.280
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	507.277.694	6.529.749
Công ty Cổ phần 1Label	355.578.081	302.502.740
Công ty TNHH Big Cat	123.353.425	-
Công ty TNHH TingTing Network	74.916.788	59.296.238
Công ty TNHH Vietnam Music Award	41.677.808	151.165.477
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	27.766.317	8.515.358
Công ty TNHH 1Talents	27.098.628	27.098.628
Công ty TNHH 1Brandlink	26.753.425	863.014
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	7.899.792
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	14.087.671
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	-	1.553.425
TỔNG CỘNG	56.539.933.387	44.738.232.646

Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))

Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	12.577.000.000	18.285.000.000
Công ty TNHH Big Cat	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	1.040.000.000	2.040.000.000
Công ty TNHH 1Brandlink	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	1.000.000.000	-
Công ty TNHH TingTing Network	300.000.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	735.000.000
TỔNG CỘNG	22.617.000.000	22.710.000.000

17/1
TỶ
LỆ
LÃI
CHỈ

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.06.2025 VND	31.12.2024 VND
Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	12.050.000.000	
Công ty Cổ phần 1Label	1.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	13.550.000.000	-

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 07 năm 2025.


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Quyền Kế toán trưởng


 Ngô Thị Văn Hạnh
 Tổng Giám đốc